

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST  
Ngày : 12 - 05 -2020  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Nguyễn Thị Kim Hương
<i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>	Ông Danh Hoàng Duyên
	Ông Danh Đức

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:***  
Trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/ TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà **Trần Thị Thúy H**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu phố V1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

***- Bị đơn:*** Ông **Trương Phước T (Truong Phuoc T)**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 1494 A DR. S, CA 94577, USA

*(Bà H, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***-Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2020 bà Trần Thị Thúy H trình bày:***

Bà và ông Trương Phước T (Truong Phuoc T) quen biết nhau từ trước. Sau khi ông T được nhập cư ở Mỹ (được cấp thẻ xanh) thì ông bà tổ chức lễ cưới, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang vào ngày 20/8/2019.

Sau khi kết hôn, ông T ở lại Việt Nam một thời gian ngắn sau đó quay về Mỹ làm việc và làm các thủ tục bảo lãnh bà sang Mỹ để đoàn tụ. Do việc bảo lãnh gặp khó khăn nên ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do khoảng cách địa lý và bất đồng quan điểm sống. Đến nay bà quyết định không qua Mỹ sinh sống và đã thông báo quyết định này cho ông T. Do vợ chồng không còn chung sống với nhau, bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Trương Phước T, nên yêu cầu được ly hôn với ông Trương Phước T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Theo văn bản đồng ý ly hôn ngày 09/02/2020 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường V, TP. R Ông Trương Phước T trình bày:***

Ông quen biết với bà Trần Thị Thúy H từ trước, sau thời gian tìm hiểu ông bà tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện huyện V, tỉnh Kiên Giang vào ngày 20/8/2019. Sau khi kết hôn, ông ở lại Việt Nam thời gian ngắn để làm việc và làm các thủ tục để bảo lãnh bà H sang Mỹ để đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên thủ tục bảo lãnh gặp nhiều trục trặc, không thể bảo lãnh bà H sang Mỹ. Vì vậy giữa ông bà phát sinh thêm nhiều mâu thuẫn, cộng với quan điểm sống khác nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Thúy H và ông Trương Phước T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị Thúy H và ông Trương Phước T là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20 tháng 8 năm 2019 theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều

8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 37 Luật hộ tịch năm 2014.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn giữa bà Trần Thị Thúy H và ông Trương Phước T là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, công việc, nơi cư trú, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên giữa bà Trần Thị Thúy H và ông Trương Phước T đã sống ly thân và tại Tòa án ông bà đã có ý kiến bằng văn bản thống nhất ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Trần Thị Thúy H và ông Trương Phước T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thúy H và ông Trương Phước T

[3]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: bà Trần Thị Thúy H và ông Trương Phước T đều xác nhận không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Trần Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Thúy H.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thúy H và ông Trương Phước T.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai

thu số 0003007 ngày 03 tháng 03 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thúy H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ông Trương Phước T (Truong Phuoc T) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Hương**